Dưới đây là mô tả chi tiết hơn nữa về các chức năng của module quản lý kho trên Odoo 17, kèm theo các thuật ngữ tiếng Anh và các quy trình cụ thể:

### 1. Quản lý Sản phẩm (Product Management)

#### Sản phẩm (Products)

* **Tạo và Quản lý Sản phẩm (Create and Manage Products)**: Cho phép người dùng tạo mới và chỉnh sửa thông tin chi tiết về sản phẩm bao gồm:
  + **Tên sản phẩm (Product Name)**: Nhập tên của sản phẩm.
  + **Loại sản phẩm (Product Type)**: Lựa chọn loại sản phẩm là Storable Product (Sản phẩm lưu trữ), Consumable (Tiêu thụ) hoặc Service (Dịch vụ).
  + **Đơn vị đo lường (Unit of Measure)**: Chọn đơn vị đo lường phù hợp như Kilogram (kg), Liter (L), hoặc Unit (đơn vị).
  + **Giá bán (Sales Price)**: Đặt giá bán sản phẩm.
  + **Giá gốc (Cost Price)**: Đặt giá gốc hoặc giá vốn của sản phẩm.
  + **Mã sản phẩm (Internal Reference)**: Đặt mã nhận dạng nội bộ cho sản phẩm.

#### Danh mục Sản phẩm (Product Categories)

* **Tạo và Quản lý Danh mục Sản phẩm (Create and Manage Product Categories)**:
  + **Tên danh mục (Category Name)**: Đặt tên cho danh mục sản phẩm.
  + **Danh mục cha (Parent Category)**: Lựa chọn danh mục cha nếu có.
  + **Thuộc tính (Attributes)**: Đặt các thuộc tính bổ sung như Thuế suất mặc định (Default Taxes).

### 2. Kiểm kê và Theo dõi Hàng tồn kho (Inventory Tracking and Adjustment)

#### Điều chỉnh tồn kho (Inventory Adjustments)

* **Thực hiện Điều chỉnh Tồn kho (Perform Inventory Adjustments)**:
  + **Chọn sản phẩm (Select Products)**: Chọn các sản phẩm cần điều chỉnh số lượng.
  + **Nhập số lượng thực tế (Enter Actual Quantities)**: Nhập số lượng thực tế của sản phẩm.
  + **Xác nhận điều chỉnh (Validate Adjustment)**: Xác nhận để điều chỉnh số lượng tồn kho.

#### Kiểm kê hàng tồn kho (Inventory Counts or Stock Taking)

* **Lập kế hoạch Kiểm kê (Plan Inventory Counts)**:
  + **Tạo phiếu kiểm kê (Create Inventory Count)**: Tạo phiếu kiểm kê mới.
  + **Chọn sản phẩm hoặc kho (Select Products or Locations)**: Chọn sản phẩm hoặc khu vực kho cần kiểm kê.
  + **Thực hiện kiểm kê (Perform the Count)**: Nhập số lượng thực tế và xác nhận kiểm kê.

### 3. Nhập kho và Xuất kho (Inbound and Outbound Operations)

#### Nhận hàng (Receipts)

* **Quản lý Nhận hàng (Manage Receipts)**:
  + **Tạo đơn hàng mua (Create Purchase Order)**: Tạo đơn hàng mua từ nhà cung cấp.
  + **Nhập kho hàng hóa (Receive Products)**: Xác nhận nhận hàng và nhập kho hàng hóa.
  + **Kiểm tra chất lượng (Quality Checks)**: Thực hiện kiểm tra chất lượng nếu cần.

#### Xuất hàng (Deliveries)

* **Quản lý Xuất hàng (Manage Deliveries)**:
  + **Tạo đơn hàng bán (Create Sales Order)**: Tạo đơn hàng bán cho khách hàng.
  + **Chuẩn bị giao hàng (Prepare Shipment)**: Chuẩn bị và đóng gói hàng hóa để giao.
  + **Xác nhận xuất kho (Validate Delivery)**: Xác nhận xuất kho và giao hàng.

### 4. Điều chuyển nội bộ (Internal Transfers)

#### Điều chuyển hàng hóa (Internal Transfers)

* **Quản lý Điều chuyển nội bộ (Manage Internal Transfers)**:
  + **Tạo yêu cầu điều chuyển (Create Transfer Request)**: Tạo yêu cầu điều chuyển hàng hóa giữa các kho.
  + **Chọn sản phẩm và số lượng (Select Products and Quantities)**: Chọn sản phẩm và số lượng cần điều chuyển.
  + **Xác nhận điều chuyển (Validate Transfer)**: Xác nhận điều chuyển và cập nhật tồn kho.

### 5. Báo cáo và Phân tích (Reporting and Analysis)

#### Báo cáo tồn kho (Inventory Reports)

* **Tạo báo cáo tồn kho (Generate Inventory Reports)**:
  + **Báo cáo số lượng tồn kho (Stock Quantity Report)**: Báo cáo về số lượng tồn kho hiện tại.
  + **Báo cáo lịch sử di chuyển (Movement History Report)**: Báo cáo về lịch sử nhập xuất kho.
  + **Báo cáo giá trị tồn kho (Inventory Valuation Report)**: Báo cáo về giá trị tồn kho.

#### Phân tích tồn kho (Inventory Analysis)

* **Phân tích tồn kho (Inventory Analysis)**:
  + **Phân tích xu hướng (Trend Analysis)**: Phân tích xu hướng tồn kho theo thời gian.
  + **Phân tích hiệu suất (Performance Analysis)**: Phân tích hiệu suất quản lý tồn kho và sản phẩm bán chạy.

### 6. Tích hợp với các Module Khác (Integration with Other Modules)

#### Tích hợp với Bán hàng (Sales Integration)

* **Kết nối với module Bán hàng (Connect with Sales Module)**: Đồng bộ hóa đơn hàng bán với tồn kho, tự động cập nhật số lượng xuất kho khi đơn hàng được xác nhận.

#### Tích hợp với Mua hàng (Purchase Integration)

* **Kết nối với module Mua hàng (Connect with Purchase Module)**: Đồng bộ hóa đơn hàng mua với tồn kho, tự động cập nhật số lượng nhập kho khi đơn hàng mua được nhận.

#### Tích hợp với Kế toán (Accounting Integration)

* **Kết nối với module Kế toán (Connect with Accounting Module)**: Ghi nhận giá trị tồn kho vào sổ sách kế toán, tự động cập nhật các giao dịch liên quan đến nhập xuất kho.

Các chức năng này giúp doanh nghiệp quản lý hàng tồn kho một cách chi tiết và hiệu quả, từ việc nhập xuất kho, điều chỉnh tồn kho đến báo cáo và phân tích dữ liệu. Điều này giúp giảm thiểu chi phí, tối ưu hóa quy trình quản lý và nâng cao hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp.